

Số: 1143 /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 07 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội;

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 10 tháng 11 năm 2025.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).
- Địa chỉ: Tổ 7, khu 3, Phường Mông Dương, , tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29/12/1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01/10/2001 Hội đồng quản trị Tổng công ty Than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08/11/2006 Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

Ngày 18/12/2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02/01/2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20/7/2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28/10/2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
01	Truyền tải và phân phối điện	3512
02	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
03	Xây dựng nhà không để ở	4102
04	Xây dựng nhà để ở	4101
05	Xây dựng công trình công ích khác	4229
06	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
07	Xây dựng công trình đường sắt	4211
08	Xây dựng công trình đường bộ	4212
09	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
10	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13	Phá dỡ	4311
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

TT	Tên ngành	Mã ngành
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Khai thác và thu gom than bùn	0892
25	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
31	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
33	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (chính)
35	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động chính: Phường Mông Dương thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

5

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc di lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Triển khai nhanh các thủ tục xin quy hoạch sử dụng đất khu vực mặt bằng cửa lò +60 Cánh Tây, đào bục lò thượng TG mức -97,5/+60 Cánh Tây và lắp đặt trạm quạt gió theo Phương án đã được TKV thông qua.

+ Hoàn thiện hồ sơ Chiến lược phát triển mỏ (Phương án khai thông mở vỉa, mở rộng mỏ Mông Dương sang khu vực mỏ Bắc Cọc Sáu).

+ Lập sơ đồ khai thông cho các tập vỉa đảm bảo phù hợp với phương án vận tải của mức -400, làm định hướng cho công tác thiết kế và xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị sản xuất các năm tiếp theo. Hoàn thiện hồ sơ cấp phép đưa kho chứa VLNCN mức -400 vào sử dụng. Theo dõi, kiểm soát quá trình sử dụng VLNCN theo Giấy phép.

+ Triển khai các đề án khoan thăm dò bổ sung cho các khu vực của mỏ.

+ Triển khai đầu tư thêm 01 hệ thống lò chợ CGH khấu các vỉa dày trung bình, công suất lò chợ từ 180-:-200 nghìn tấn/năm. Xây dựng kế hoạch thay thế dần các lò chợ sử dụng công nghệ giá khung bằng công nghệ chống giữ giá xích. Xây dựng kế hoạch thay thế máy cào C14 bằng máy cào SGB 420 hoặc 520 trong lò chợ, lò dọc vỉa để giảm nhân lực vận hành, giảm sự cố thiết bị và tăng năng suất vận tải.

+ Duy trì ổn định lò chợ CGH, đồng thời huy động thêm 02 lò chợ có công suất cao (lò chợ vỉa dày) ở khu vực vỉa L7 Cánh tây - Vũ môn để đảm bảo sản lượng và chất lượng than Ak bám sát chỉ tiêu TKV giao. Công tác đào lò chuẩn bị diện cho lò chợ CGH phải được tính toán đảm bảo lắp một lần giàn chống để khấu đến khi kết thúc lò chợ, tránh lắp đặt giàn bổ sung nối dài sẽ làm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng của cả năm.. Triển khai áp dụng các giải pháp để khấu tận thu trụ bảo vệ như đào lò men, chống giữ gia cố lại lò vận tải của lò chợ phân tầng trên để làm lò thông gió cho phân tầng dưới...

+ Rà soát, tổ chức bố trí lại biểu đồ tổ chức chu kỳ cho công tác khai thác, đào lò, giảm thiểu các dây truyền phục vụ phụ trợ, tập trung đủ nhân lực cho khâu sản xuất chính tăng công suất lò chợ, đào lò (các lò chợ, gương lò đào được rà soát bố trí đủ để đạt năng lực kỹ thuật) tăng năng suất lao động.

+ Triển khai các giải pháp căn cơ, sử dụng bố trí lao động phù hợp cùng với các giải pháp tăng năng suất lao động để tái cơ cấu lại lực lượng lao động, tinh giản tối đa lao động quản lý, gián tiếp lao động phục vụ phụ trợ giữ và đảm bảo tỷ lệ theo đúng mô hình mẫu Tập đoàn.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp về thu nhập và sự thăng tiến nhằm giữ chân, thu hút và tạo lợi thế trong cạnh tranh lao động, tránh tình trạng tuyển - bỏ.

5. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -400 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vĩa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -400 gây nguy cơ bực nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

- Ý thức chấp hành quy trình KT-AT trong sản xuất của công nhân thậm chí là cán bộ CHSX chưa tự giác chấp hành nội quy lao động, quy trình làm việc, biện pháp thi công, quy định an toàn, để xảy ra tai nạn cho bản thân.

- Năm 2026 được nhận định là một năm có nhiều biến động do xung đột địa chính trị ngày càng gia tăng và tiếp diễn. Đối với Công ty trong năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm 2026-2030. Điều kiện địa chất mỏ được dự báo là có nhiều biến động và sai khác với kế hoạch làm khó khăn cho quá trình quy hoạch và quản lý công nghệ, tăng chi phí sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

T T	DANH MỤC	ĐVT	KH SXKD	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	% TH/NQCD
A	Sản xuất				
I	Than sản xuất	<i>Tấn</i>	1.650.000	1.675.768	101,6
1	Than sản xuất Hàm lò	"	1.650.000	1.675.768	101,6
II	Mét lò đào	<i>M</i>	19.000	20.069	105,6
1	Mét lò CBSX tự làm:	"	16.600	18.405	110,9
2	Mét lò CBSX thuê ngoài:	<i>M</i>	2.400	1.665	69,4
	Mét lò chống vĩa neo	"	1.000	1.287	128,7
II I	Lò xén	<i>M</i>	4.680	4.427	94,6
1	Tự làm	"	3.480	3.970	114,1
2	Thuê ngoài	"	1.200	457	38,1
B	Than tiêu thụ tổng số	<i>Tấn</i>	1.650.000	1.693.272	102,6
1	Than nguyên khai	"	1.638.000	1.681.833	102,7
2	Than sạch	<i>Tấn</i>	12.000	11.440	95,3
C	Doanh thu tổng số	<i>Tr.đ</i>	2.654.271	2.654.822	100
D	Lợi nhuận	<i>Tr.đ</i>	32.265	40.367	125,1
E	Thu nhập bình quân	<i>ngđ. Ng/th</i>	19.975	21.780	109,0
F	Tồn kho	<i>Tấn</i>	15.000	14.793	98,6
G	Chi trả cổ tức	<i>%</i>	6-8	6	100

2. Tổ chức và nhân sự

a) Tóm tắt lý lịch của Ban Giám đốc điều hành: (chi tiết như phụ lục số 1)

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:

- Trong năm 2025 danh sách về người có liên quan của Công ty có thay đổi 01 trường hợp cụ thể:

+ Miễn nhiệm Ông Hoàng Trọng Hiệp Giám đốc Công ty (Từ 9/9/2025)

+ Bổ nhiệm Ông Lương Thanh Chung làm Giám đốc Công ty (từ ngày 09/09/2025).

c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty: Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.382 người; Tiền lương thực hiện bình quân là 21.780.000đ/ng-tháng/KH: 19.975.000đ/ng-tháng đạt 109%.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Theo văn bản số 6574/TKV-ĐT ngày 25/11/2024 giá trị thực hiện đầu tư 193,373 tỷ đồng; giá trị giải ngân vốn đầu tư 177,542 tỷ đồng.

- Theo văn bản số 7116/TKV-ĐT ngày 12/12/2025 (Điều chỉnh) giá trị thực hiện đầu tư 199,487 tỷ đồng (tăng 6,144 tỷ đồng tương đương 3,1% so với KH); giá trị giải ngân vốn đầu tư 188,200 tỷ đồng (tăng 10,658 tỷ đồng tương đương 6,0% so với KH).

3.1. Tình hình thực hiện một số dự án như sau:

(i). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2023

- Dự án phê duyệt tại Quyết định số 1878/QĐ-TMD ngày 03/7/2023 với tổng mức đầu tư 110.706 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2023-:-2024.

- Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án đã được quyết toán dự án hoàn thành.

(ii). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2024

- Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1725/QĐ-TMD ngày 16/5/2024 với tổng mức đầu tư 84.869 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án: 2024-:-2025.

- Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án đã được quyết toán dự án hoàn thành.

(iii). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2025

- Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1236/QĐ-TMD ngày 09/4/2025 với tổng mức đầu tư 98.652 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2025-:-2026.
- Tỉnh hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án có tổng số 09 gói thầu (03 gói thầu mua sắm thiết bị; 01 gói thầu lắp đặt thiết bị; 05 gói thầu tư vấn). Trong đó:
 - + Đã hoàn thành hợp đồng: 03 gói thầu thiết bị; 01 gói thầu lắp đặt thiết bị; 03 gói thầu tư vấn.
 - + Chưa thực hiện lựa chọn nhà thầu: 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu kiểm toán và gói thầu thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
 - Kế hoạch thực hiện năm 2026: Thực hiện tiếp các gói thầu còn lại và kiểm toán dự án; thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
- (iv). Dự án đầu tư xây dựng trạm biến áp 35/6/kV mô than Mông Dương
 - Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 3310/QĐ-TMD ngày 21/8/2024 với tổng mức đầu tư 36.811 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2024-:-2025.
 - Tỉnh hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án có tổng số 08 gói thầu (01 gói thầu xây lắp; 07 gói thầu tư vấn). Trong đó:
 - + Đã hoàn thành hợp đồng: 3 gói thầu tư vấn, gồm gói thầu tư vấn lắp đặt, gói thầu lắp quy hoạch, gói thầu lắp TKBVTC;
 - + Đang thực hiện hợp đồng: 01 gói thầu xây lắp và 04 gói thầu tư vấn gồm gói thầu giám sát; gói thầu quản lý dự án; gói thầu kiểm toán và gói thầu thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
 - Kế hoạch thực hiện năm 2026: Thực hiện tiếp các gói thầu dở dang và 02 gói thầu tư vấn còn lại gồm gói thầu tư vấn kiểm toán dự án và gói thầu thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với giá trị 0,178 tỷ đồng.
- (v). Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực vận tải
 - Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1238/QĐ-TMD ngày 09/4/2025 với tổng mức đầu tư 172.300 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2025-:-2027.
 - Tỉnh hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án có tổng số 07 gói thầu (02 gói thầu mua sắm thiết bị; 01 gói thầu lắp đặt thiết bị; 04 gói thầu tư vấn). Trong đó:
 - + Đã hoàn thành hợp đồng: 01 gói thầu thiết bị tối chờ vật liệu và 01 gói thầu tư vấn lắp dự án;
 - + Đang thực hiện hợp đồng: 01 gói thầu mua sắm thiết bị chờ người; 01 gói thầu tư vấn quản lý dự án và 01 gói thầu lắp đặt thiết bị;
 - + Chưa thực hiện lựa chọn nhà thầu: 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu kiểm toán và gói thầu thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
 - Kế hoạch thực hiện năm 2026: Thực hiện tiếp các gói thầu còn lại và kiểm toán dự án; thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Giá trị kế hoạch năm 2026 Công ty xây dựng đề thực hiện với giá trị 106,960 tỷ đồng.
- (vi). Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thông gió mô
 - Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2795/QĐ-TMD ngày 23/7/2025 với tổng mức đầu tư dự án 67.139 tr. đồng và thời gian thực hiện dự án 2025-2027.
 - Tỉnh hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 12/6/2025; Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 25/9/2025; Quyết định

thuê đất được phê duyệt tại Quyết định spps,410/QĐ-UBND ngày 25/12/2025. Hiện công ty đang triển khai lựa chọn nhà thầu các gói thầu theo kế hoạch của dự án.

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Lựa chọn nhà thầu thi công các hạng mục của dự án với giá trị thực hiện năm 2026 là 41,294 tỷ đồng.

(vii). Dự án đầu tư bổ sung máy phát điện Diesel dự phòng mỏ than Mông Dương

- Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 3107/QĐ-TMD ngày 14/8/2025 với tổng mức đầu tư 38.454 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2025-:-2026.

- Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án có tổng số 08 gói thầu (01 gói thầu mua sắm thiết bị; 01 gói thầu xây dựng; 06 gói thầu tư vấn). Trong đó:

+ Đã hoàn thành hợp đồng: 2 gói thầu tư vấn gồm gói thầu lập dự án và gói thầu lập TKBVTC.

+ Đang thực hiện hợp đồng: 01 gói thầu mua sắm thiết bị máy phát điện (dự kiến tháng 6/2026 nhà thầu bàn giao); 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu quản lý dự án và gói thầu giám sát.

+ Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu: 01 gói thầu xây dựng nhà che máy phát điện.

+ Chưa thực hiện lựa chọn nhà thầu: 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu kiểm toán và gói thầu thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Thực hiện tiếp các gói thầu dở dang và 02 gói thầu tư vấn còn lại gồm gói thầu tư vấn kiểm toán dự án và gói thầu thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Giá trị kế hoạch năm 2026 Công ty xây dựng để thực hiện với giá trị 26,857 tỷ đồng.

(viii). Dự án đầu tư hệ thống PCCC thuộc mặt bằng sân công nghiệp

- Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2245/QĐ-TMD ngày 14/6/2025 với tổng mức đầu tư 5.618 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2025-:-2026

- Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án có tổng số 06 gói thầu (01 gói thầu xây dựng; 05 gói thầu tư vấn). Trong đó:

+ Đã hoàn thành hợp đồng: 01 gói thầu xây dựng; 03 gói thầu tư vấn gồm gói thầu lập dự án, gói thầu quản lý dự án, gói thầu giám sát.

+ Đang thực hiện hợp đồng: 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu kiểm toán và gói thầu thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Thực hiện 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu kiểm toán dự án và gói thầu thẩm tra phê duyệt quyết toán với giá trị 0,084 tỷ đồng.

(ix). Dự án đầu tư thiết bị hầm bơm và trạm điện mức -400

- Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 4076/QĐ-TMD ngày 14/11/2025 với tổng mức đầu tư 170.851 triệu đồng và thời gian thực hiện dự án 2025-:-2027

- Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án có tổng số 07 gói thầu (01 gói thầu hỗn hợp; 06 gói thầu tư vấn). Trong đó:

+ Đã hoàn thành hợp đồng: 01 gói thầu tư vấn lập dự án;

+ Đang thực hiện hợp đồng: 02 gói thầu tư vấn gồm gói thầu quản lý dự án và gói thầu lập thiết kế BVTC;

+ Chưa thực hiện lựa chọn nhà thầu: 01 gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị và 3 gói thầu tư vấn gồm 01 gói thầu giám sát; 01 gói thầu kiểm toán và 01 gói thầu thẩm tra quyết toán dự án;

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Lựa chọn nhà thầu thi công các hạng mục của dự án với giá trị thực hiện năm 2026 là 96,687 tỷ đồng.

8

LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		MÃ SỐ THUYẾT MINH	CHỈ TIÊU	
ĐẾN CUỐI QUÝ			NĂM 2025	NĂM 2024
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VII.1	2.652.989.555.936	2.612.354.731.157
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	VII.2	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)		2.652.989.555.936	2.612.354.731.157
4.	Giá vốn hàng bán	VII.3	2.411.331.758.988	2.339.208.787.053
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		241.657.796.948	273.145.944.104
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	VII.4	623.809.468	854.485.430
7.	Chi phí tài chính	VII.5	15.794.851.703	18.051.488.539
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>				
8.	Chi phí bán hàng	VII.8a	18.087.560.510	13.408.359.930
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VII.8b	169.003.024.372	173.321.227.924
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))		39.396.169.831	69.219.353.141
11.	Thu nhập khác	VII.6	1.299.287.781	2.221.120.029
12.	Chi phí khác	VII.7	328.451.780	726.954.674
13.	Lợi nhuận khác (40=31-32)		970.836.001	1.494.165.355
14.	Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)		40.367.005.832	70.713.518.496
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VII.10	92.112.331	17.386.773.807
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		8.362.487.842	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	VII.11	31.912.405.659	53.326.744.689
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		1.490	2.490
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)			

a) Tình hình tài chính năm 2025

4. Tình hình tài chính:

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

tác lập thiết kế BVT/C dự án với giá trị 0,620 tỷ đồng;

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Hoàn thành công tác chuẩn bị dự án và hoàn thành công dự án làm cơ sở thuê đơn vị tư vấn lập dự án.

- Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án đang được Công ty lập đề cương (xii). Dự án đầu tư xây dựng nhà chế biến thực phẩm phục vụ nhà ăn 450 chỗ

tác lập thiết kế BVT/C dự án với giá trị 1,5 tỷ đồng.

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Hoàn thành công tác chuẩn bị dự án và hoàn thành công chính quy hoạch cục bộ tỷ lệ 1/500.

chủ trương điều chỉnh quy hoạch cục bộ và Công ty đang thuê đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ điều - Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án đã được Công ty báo cáo TKV

(xi). Dự án đầu tư xây dựng nhà tắm giặt sấy và công trình phụ trợ

hàng mức của dự án với giá trị 30,992 tỷ đồng.

- Kế hoạch thực hiện năm 2026: Hoàn thành công tác chuẩn bị dự án và hoàn thành một số

01/3/2026.

dự án làm cơ sở thuê đơn vị tư vấn lập dự án. Dự kiến báo cáo TKV xin thông qua dự án trước - Tình hình thực hiện dự án đến thời điểm báo cáo: Dự án đang được Công ty lập đề cương

(x). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2026

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,64	0,69	92,75
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+	Hệ số thanh toán nhanh	0,54	0,62	87,10
	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,72	0,71	101,41
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,61	2,51	103,98
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho	41,72	42,01	99,31
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,32	2,20	105,45
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,012	0,02	60,00
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,16	62,50
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,04	75,00
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,03	66,67

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	10	1717
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	13.921.925	65,0%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		0
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	3.094.009	14,44%	8	1717

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	302.139	1,41%		265
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Nguồn vốn Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	13.921.925	65,0%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.806.229	17,77%	4	7

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 13.921.925 cổ phần, chiếm 65,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag –Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2025 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

TT	Loại năng lượng	Đơn vị tính (*)	Lượng tiêu thụ	Ghi chú	
1	Điện	Điện mua vào	kWh	43.789.234	Mua điện 6kV của điện lực
		Điện tự sản xuất	kWh	104.637	Chạy máy phát điện diesel
		Điện bán ra	kWh	368.799	Bán điện 660V và 220 cho Công ty môi trường và cây ATM
2	Than cám 5B.1	Tấn	Không có		
3	Than cục 1C	Tấn	907,01		
4	Dầu DO	Lít	707.995		
5	LPG	Tấn			
6	Khí tự nhiên (Natural Gas)	Kg	17.038		
7	Xăng	Lít	71.510		

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:

- Công tác thu gom xử lý nước thải mỏ được thực hiện nghiêm túc, lượng nước thải phát sinh trong quá trình khai thác được xử lý trong năm 2025/ kế hoạch là 9.229.390m³/9.700.000m³. Chi phí xử lý nước thải là 37.166/42.394 Tr. đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Lao động danh sách 31/12/2021 là 3.382 người; Tiền lương thực hiện bình quân là 21.780.000đ/ng-tháng/KH: 19.975.000đ/ng-tháng đạt 109%.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đẩy mạnh cơ giới hóa trong đào lò và khai thác tại các khu vực có khả năng áp dụng dây chuyền cơ giới hóa để tăng năng xuất lao động, giảm lao động dây chuyền, phục vụ (đưa lò chợ giá khung xích vào hoạt động thay thế lò chợ giá XDY, đưa máy đào lò, tời cào, băng tải nhỏ để tăng năng suất đào lò). Nghiên cứu, áp dụng các dây chuyền công nghệ phù hợp với khoáng sản của Công ty tại các khu vực có điều kiện địa chất phức tạp (giàn chống mềm ZRY khai thác vỉa dốc, giá TLPT ZH, giá khung xích khai thác vỉa dày...) để tăng năng suất, giải phóng sức lao động cho công nhân.

- Duy trì và mở thêm tuyến tàu chở người từ trung tâm vào đến sát vị trí làm việc để giảm thời gian đi lại, đỡ mất sức cho công nhân; đầu tư, lắp đặt các thiết bị vận chuyển vật tư, vật liệu thi công tới gần vị trí làm việc ở tất cả các khu vực sản xuất để giảm mức độ nặng nhọc cho người lao động (hạn chế đến mức thấp nhất cung độ vận chuyển thủ công).

- Tăng cường công tác thông gió, quản lý khí, chống ồn, chống bụi, khắc phục sự lây lòi, vật tư, vật liệu bừa bộn, làm tốt vệ sinh công nghiệp trong hầm lò đảm bảo môi trường lao động trong hầm lò; tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở nhà giao ca, cửa lò, mặt bằng sân công nghiệp để thợ lò mới, học sinh về thực tập không có cảm giác sợ hãi, chán nản khi lần đầu tiếp xúc với thực tế.

- Xây dựng quy chế, quy định về tiền lương và chế độ, chính sách đảm bảo khuyến khích được người lao động, tạo động lực tăng năng suất, thu nhập cho người lao động để thu hút và giữ chân lực lượng lao động; Xây dựng quy định trả lương khoán cho cán bộ các PX gắn với công tác quản lý lao động, doanh thu để PX đổi mới tư duy, nhận thức, tầm nhìn từ đó có các phương pháp quản lý lao động phù hợp với su thế xã hội và điều kiện cạnh tranh lao động hiện tại.

- Duy trì các chế độ ưu đãi đối với thợ lò về ăn ca theo hình thức tự chọn, xe đưa đón đi làm, tắm nước nóng, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng hơn.

- Duy trì các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần thợ lò như khen thưởng thợ lò lao động giỏi, ngày công cao, đạt năng suất kỷ lục, thợ lò xuất sắc trong các kỳ thi chọn thợ giỏi; Tổ chức cho gia đình của công nhân lao động trực tiếp trong hầm lò xuất sắc trong sản xuất được đi tham quan nghỉ mát; tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao quần chúng do người lao động trực tiếp tham gia hoặc phục vụ trực tiếp người lao động để thợ lò được thưởng thức văn hóa tinh thần, hạn chế sa vào các tệ nạn do nhàn rỗi.

- Công ty thực hiện nghiêm túc, các chế độ chính sách đối với người lao động, duy trì sử dụng các quỹ (khen thưởng, phúc lợi, hoạt động xã hội) để khuyến khích CBCNV trong lao động sản xuất và hỗ trợ, trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

Công tác thực hiện và giải quyết chế độ chính sách luôn được kịp thời và đảm bảo đúng quy định của luật lao động, luật bảo hiểm xã hội và các văn bản quy định khác Nhà nước quy định, cụ thể:

- Duy trì và thực hiện tốt các chế độ ăn cơm ca tự chọn và chế độ bồi dưỡng độc hại cho CBCNV theo quy định đảm bảo đủ lượng và dinh dưỡng.

- Đã xây dựng và triển khai Kế hoạch tổ chức CBCNV trong công ty đi nghỉ mát hỗ trợ điều trị, cho người lao động tại các trung tâm điều dưỡng ngành Than; Xây dựng và triển khai cho CBCNV có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong 5 tháng đầu năm 2025 đi thăm quan nghỉ mát miền nam và nước ngoài đảm bảo an toàn, hiệu quả với mức hỗ trợ từ nguồn quỹ Phúc lợi của Công ty là 10 triệu đồng/người;

- Tổ chức cho 40/40 CBCNV thuộc đối tượng mắc bệnh bụi phổi silico đi rửa phổi theo KH của Tập đoàn TKV.

Năm 2025 Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm đối với người lao động làm việc trực tiếp và lao động nữ; Lao động gián tiếp 1 lần/năm. Tổng số là: 6.301 lượt người, trong đó: khám kiểm tra sàng lọc bệnh nghề nghiệp đối với 2.127 lượt người làm việc có tiếp xúc yếu tố độc hại và đặc biệt độc hại. Khám kiểm duyệt chế độ nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ dưỡng sức hưởng BHXH là: 11.336 lượt người = 26.300 công, tổng tiền BHXH chi trả là: 8.962.992.800 đồng.

- Công ty đóng đầy đủ, kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng luật định (BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN);

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công tác quản lý lao động:

Công ty đã tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả số lao động hiện có, hàng ngày tổng hợp đánh giá nhân lực huy động đi làm các đơn vị gửi lên nhóm zalo điều hành, áp dụng giao ca nhật lệnh không giấy tờ, chấm công bằng vân tay, nhận diện khuôn mặt, quản lý ra vào lò bằng thẻ kết hợp với camera giám sát để hạn chế tối đa công nhân nghỉ làm, ra sớm, về trước giờ quy định; quản lý chặt chẽ công nghỉ vô lý do, các trường hợp nghỉ 5 ngày liên tục hoàn thiện hồ sơ để đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động ngay; Ngoài ra các chế độ bổ sung, khuyến khích tiền lương của Công ty đều gắn chặt chẽ với ngày công đi làm của người lao động. Kết quả bằng các biện pháp tăng cường quản lý và cơ chế khuyến khích tiền lương hợp lý nên nguồn nhân lực vẫn đáp ứng đủ cho dây truyền sản xuất của Công ty.

- Công tác tuyển dụng lao động:

Lao động tăng trong năm 124 người, trong đó số lao động là học sinh chỉ tiêu của Công ty ra trường 51 người, tiếp nhận lại công nhân cũ 71 người, tuyển mới 02 người. Lao động giảm trong kỳ 191 người, trong đó lao động bỏ việc 96 người, lao động xin chấm dứt hợp đồng 63 người, lao động nghỉ hưu 23 người. trường hợp khác: 9 người.

Công tác tái cơ cấu tổ chức, định biên lao động mặc dù đã lập phương án tuy nhiên trong năm chưa triển khai được do vậy tỷ lệ lao động quản lý gián tiếp, phục vụ phụ trợ còn cao hơn mô hình mẫu Tập đoàn (Lao động quản lý 10,93%/MHM 10%; Lao động phục vụ, phụ trợ 24,2%/MHM 21%); tỷ lệ học sinh ra trường vào làm tại Công ty sau đó bỏ việc, mặc dù thấp hơn so với các năm trước tuy nhiên trong năm vẫn còn 24 người.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyên góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2025, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (Không có)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2025 là một năm có nhiều khó khăn trong SXKD đối với Công ty cổ phần than Mông Dương: Do diện khai thác các lò chợ nhỏ lẻ nên trong năm Công ty đã phải thực hiện chuyển điện lò chợ 18 lần/KH năm 16 lần; điều kiện địa chất gương lò chợ CGH thay đổi, độ dốc lớn, trụ nổi cục bộ, lò chợ phải khấu một hướng từ trên xuống, khoan bắn mìn cắt đá trụ nổi, làm ảnh hưởng đến năng suất, tiến độ khấu; nhiều gương lò đào gặp phay phá, vùng không via, cụ thể như: via K8.CĐ, via L7.CĐ; M6.CĐ, L7.VM... nên phải dừng đào lò, số lần mở lò nhiều làm ảnh hưởng đến năng suất và tiến độ đào lò; chất lượng than nguyên khai thực hiện xấu hơn so với kế hoạch TH 38,00% /37,28% tăng 0,72% vượt qua những khó khăn trên Công ty duy trì tốt đoàn kết nội bộ, tập trung triển khai các giải pháp linh hoạt ổn định sản xuất, giữ vững an ninh trật tự, an sinh xã hội, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, Công ty đã cơ bản hoàn thành được các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2025, đời sống và thu nhập của CB CNV ở mức cao trong Tập đoàn.

T T	DANH MỤC	ĐVT	KH SXKD THEO NQ ĐHCĐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	% TH/NQĐ
A	Sản xuất				
I	Than sản xuất	<i>Tấn</i>	1.650.000	1.675.768	101,6
1	Than sản xuất Hầm lò	"	1.650.000	1.675.768	101,6
II	Mét lò đào	<i>M</i>	19.000	20.069	105,6

T T	DANH MỤC	ĐVT	KH SXKD THEO NQ ĐHCĐ	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	% TH/NQCD
1	Mét lò CBSX tự làm:	"	16.600	18.405	110,9
2	Mét lò CBSX thuê ngoài:	M	2.400	1.665	69,4
	Mét lò chống vì neo	"	1.000	1.287	128,7
II I	Lò xén	M	4.680	4.427	94,6
1	Tự làm	"	3.480	3.970	114,1
2	Thuê ngoài	"	1.200	457	38,1
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.650.000	1.693.272	102,6
1	Than nguyên khai	"	1.638.000	1.681.833	102,7
2	Than sạch	Tấn	12.000	11.440	95,3
C	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.654.271	2.654.822	100
D	Lợi nhuận	Tr.đ	32.265	40.367	125,1
E	Thu nhập bình quân	ngđ. Ng/th	19.975	21.780	109,0
F	Tồn kho	Tấn	15.000	14.793	98,6
G	Chi trả cổ tức	%	6-8	6	100

Trong năm 2025 Công ty đã quyết nghị các chỉ tiêu SXKD năm 2025 kèm theo các giải pháp chính để thực hiện các chỉ tiêu. Đối với việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 các chỉ tiêu chủ yếu đều hoàn thành và vượt kế hoạch; đối với 9 giải pháp theo Nghị quyết đề ra:

3.1. Một là: Giải pháp về chiến lược lâu dài, khai thông chuẩn bị, kết quả:

a. Tập trung điều chỉnh và gia hạn giấy phép số 2760/GP-BTNMT được cấp ngày 31/12/2008 (Giấy phép có thời hạn đến 31/12/2025): Bộ NNMT đã điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác khoáng sản theo QĐ số: 4761/QĐ-BNNMT ngày 10/11/2025.

b. Công tác khai thông tầng -250/-400:

Phương án kỹ thuật khai thác tầng -250/-550: Khối lượng đào lò khai thông tầng -250/-400 thực hiện đến hết năm 2025: 8.450 m/7.694 m (không bao gồm 986m lò tiếp giáp Giếng đứng phụ) đạt 109,8%; còn một số hạng mục tiến độ chưa đạt và còn chậm hơn so với lịch TKV duyệt, nguyên nhân do Công ty chưa gia hạn thuê một phần diện tích khoảng 02 hecta trong khu vực đang thực hiện công tác đóng cửa mỏ theo Giấy phép số 2684/GP-BTNMT để thi công các đường lò trên trong năm 2025.

Phương án nâng cao năng lực vận tải: Khối lượng đào lò Ngầm thông gió vận tải mức -97,5 ÷ -250 và Ngầm thông gió vận tải mức -250 ÷ -400 Công ty thực hiện đến hết năm 2025 đạt 1.240m/KH: 1.240 m đạt 100% KH.

Hiện nay Công ty nỗ lực đẩy nhanh tiến độ cung cấp, lắp đặt thiết bị để đưa lò chợ đầu tiên xuống mức -400/-250 vào khai thác trong tháng 01 năm 2026. Như vậy Giải pháp về chiến lược lâu dài, khai thông chuẩn bị các năm tiếp theo khi dần kết thúc mức khai thác trên -250 đảm bảo theo Nghị quyết đề ra.

3.2. Hai là: Giải pháp duy trì công suất khai thác đảm bảo công suất dự án 1,5 triệu tấn:

Các mục việc đề ra Công ty triển khai thực hiện đầy đủ được thể hiện qua các chỉ tiêu sản lượng than sản xuất, mét lò đều vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra tuy nhiên mặc dù Công ty đã triển khai đồng thời nhiều giải pháp nhưng chất lượng than nguyên khai thực hiện xấu hơn so với kế hoạch TH 38,0%/37,28% tăng 0,72 % ảnh hưởng đến tình hình doanh thu, tài chính của Công ty trong năm.

3.3. Ba là: Giải pháp huy động nguồn nhân lực, công tác tái cơ cấu theo mô hình mẫu TKV:

Lao động danh sách đến 31/12/2025 là 3.279 người/KH: 3.382 người bằng 96,9%, giảm 67 người so với đầu năm. Lao động tăng trong năm 124 người, trong đó số lao động là học sinh chỉ tiêu của Công ty ra trường 51 người, tiếp nhận lại công nhân cũ 71 người, tuyển mới 02 người. Lao động giảm trong kỳ 191 người, trong đó lao động bỏ việc 96 người, lao động xin chấm dứt hợp đồng 63 người, lao động nghỉ hưu 23 người. trường hợp khác: 9 người.

Công ty đã phối hợp với các Trường Cao đẳng TKV tuyển sinh và đào tạo 176/200 học sinh nghề khai thác, cơ điện mỏ hầm lò đạt 89% KH năm.

Trong năm Công ty ổn định việc làm, đảm bảo thu nhập và có nhiều chế độ đãi ngộ đối với người lao động, đã góp phần giúp đời sống người lao động được nâng cao, người lao động yên tâm làm việc xác định gắn bó lâu dài với Công ty thể hiện qua các chỉ tiêu về quản lý lao động: (i) Lao động bỏ việc, nghỉ việc so với năm 2024 giảm 35,2% (96/148 người); so với cùng kỳ năm 2023 giảm 40,4% (96/161 người), không chỉ lao động ở các PX ổn định mà lao động các phòng như KCM, TĐ, CV những năm trước có nhiều biến động về nhân lực nay đã ổn định. (ii) Nhiều lao động trước đây là công nhân của Công ty vì các lý do đã bỏ việc, nay đã quay trở lại Công ty để làm việc (năm 2025 đã tái tuyển 61/124 lao động là công nhân cũ của Công ty chiếm 49,2% tổng lao động tuyển mới và nhiều hồ sơ xin tái tuyển nhưng do chưa có nhu cầu chưa tuyển dụng). (iii) Số học sinh chỉ tiêu Công ty tự tuyển vượt chỉ tiêu của Tập đoàn giao (48/40 HS đạt 120% KH TKV giao).

Trong năm lao động danh sách giảm trong kỳ 67 người tuy nhiên bằng các biện pháp tăng cường quản lý và cơ chế khuyến khích tiền lương hợp lý ... nên nguồn nhân lực vẫn đáp ứng đủ cho dây chuyền sản xuất của Công ty.

* Hạn chế: Công tác tái cơ cấu tổ chức, định biên lao động mặc dù đã lập phương án tuy nhiên trong năm chưa triển khai được do vậy tỷ lệ lao động quản lý gián tiếp, phục vụ phụ trợ còn cao hơn mô hình mẫu Tập đoàn (Lao động quản lý 10,93%/MHM 10%; Lao động phục vụ, phụ trợ 24,2%/MHM 21%); tỷ lệ học sinh ra trường vào làm tại Công ty sau đó bỏ việc, mặc dù thấp hơn so với các năm trước tuy nhiên trong năm vẫn còn 24 người.

3.4. Bốn là: Công tác AT-VSLĐ, Phòng chống MB:

Mục tiêu của Công ty trong năm 2025 kiên quyết không xảy ra sự cố mang tính chất thảm họa (Ngập mỏ, bụi nước, cháy nổ khí, đứt cáp tời trục); Không xảy ra TNLĐ nghiêm trọng và sự cố loại (I, II); giảm thiểu các vụ sự cố, tai nạn khác; không để xảy ra các vụ việc liên quan đến cháy nổ trong Công ty. Kết quả: Trong năm (Tính tới thời điểm báo cáo) Công ty không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động (nặng, nhẹ) xảy ra 15 vụ, giảm so 53,1 % với năm 2024, trong đó số vụ tai nạn nặng xảy ra 13 vụ, giảm 50%, số vụ tai nạn nhẹ xảy ra 02 vụ giảm 4 vụ tương ứng với 66,7%; về sự cố: Không xảy ra sự cố loại các loại.

Triển khai sớm, đồng bộ các công trình PCMB ngay từ mùa khô, chú trọng đến những khu đã khai thác trong năm 2024 - tập trung những vị trí xung yếu mới cần những PA mới để ngăn ngừa. Phối hợp cùng với các đơn vị trên địa bàn (Công ty cổ phần than Đèo Nai - Cọc Sáu, Công ty CP than Cao Sơn, Công ty than Hạ Long, Công ty 790 - CN Tổng Công ty Đông Bắc) kiểm tra rà soát diện tích chông lán khai thác lộ thiên và hầm lò; san lấp khu vực địa hình có nguy cơ thấm thấu nước, gây bực nước xuống hầm lò, các khu vực có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét để loại bỏ nguy cơ gây mất an toàn cho con người và các công trình mỏ của Công ty ở cuối nguồn.

*** Đánh giá:** Như vậy công tác AT-VSLĐ đạt yêu cầu.

3.5. Năm là: Giải pháp điều hành, kỹ thuật, đổi mới công nghệ:

Nghị quyết đề ra việc điều hành sản lượng các quý (Quý I: Sản xuất không thấp hơn 25% KH sản lượng năm; Quý II: Sản xuất không thấp hơn 25% KH sản lượng năm; Quý III: Phần đầu sản xuất không thấp hơn 24% KH sản lượng năm; Quý IV: Sản xuất không thấp hơn 26% KH sản lượng năm), đối với nội dung này Công ty đạt mục tiêu năm nhưng trong Quý III Công ty không đạt mục tiêu đề ra nguyên nhân chủ yếu do chuyển điện lò chợ CGH dài từ từ ngày 20/7 ÷ 19/9 (do cung độ chuyển điện xa, tuyến vận chuyển đường lò thay đổi nhiều độ dốc, lò nén chiều cao lò thấp phải khoan bán mìn cắt trụ đá để hạ đường sắt cho giàn lọt qua...).

Giải pháp rà soát lại các diện đào chống lò để duy trì liên tục dây chuyền công nghệ CGH đào lò bằng máy EBH-45 nhằm tăng mét lò đào trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Tiếp tục duy trì các thiết bị cơ giới trong khâu khoan, xúc bốc trong quá trình đào lò. Máy xúc, băng tải nhỏ thi công các đường lò dọc vỉa tiết diện nhỏ; kết quả: Mét lò đào bán CGH (sử dụng xe khoan, máy xúc) thực hiện 0,0m/400 m kế hoạch; Mét lò đào CGH (combai) TH 750m/KH 1.000m, đạt 75,0%KH, như vậy giải pháp trên không đạt mục tiêu đề ra.

3.6. Sáu là: Công tác Đầu tư- địa chính- môi trường:

Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện đầu tư năm 2025 (TH/KH) là 199,4/193,3 tỷ đồng đạt 103% kế hoạch; giá trị giải ngân vốn (TH/KH) 182,2/177,5 tỷ đồng đạt 102,6% kế hoạch.

Công tác môi trường: Giá trị thực hiện trong năm 61,7/64,1 tỷ đồng đạt 96,2% kế hoạch. Hoàn thiện giấy phép môi trường dự án nhà ở công nhân và Giấy phép Môi trường cho dự án Khai thác giai đoạn II. Hoàn thành công tác đóng cửa mỏ theo Giấy phép 2684/GP-BTNMT ngày 30/12/2013 được gia hạn tại Giấy phép số 1145/GP-BTNMT ngày 8/5/2019.

Công tác địa chính: Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng về việc GPMB tổ 1 khu 13 phường Mông Dương (trong năm Công ty dừng triển khai công tác GPMB di dời các hộ dân tổ 1, khu 13, phường Mông Dương theo CV số 2069/UBND-QLDA ngày 19/6/2025).

*** Tồn tại:** Trong năm do ảnh hưởng của việc chậm thủ tục thuê đất mặt bằng cửa lò +60 Cánh Tây để đào bực hoàn thiện lò thượng thông gió mức -97,5/+60 Cánh Tây và lắp đặt trạm quạt chính tại cửa lò theo Phương án nâng cao năng lực thông gió mỏ ảnh hưởng đến mạng gió và cải thiện điều kiện vi khí hậu, điều kiện làm việc cho người lao động.

3.7. Bảy là: Công tác Nghiệp vụ:

Đối với công tác quản trị của các các TP, các đồng chí lãnh đạo; công tác phân tích năng suất lao động và khuyến khích tiền lương để thúc đẩy sản xuất, công tác quản lý nghiệp vụ của các phòng đáp ứng được yêu cầu; tuy nhiên công tác khoán, quản trị chi phí nội bộ mặc dù đã đi vào nề nếp nhưng chất lượng khoán chưa cao do việc nghiệm thu của các phòng chuyên môn

thường xuyên chậm, chất lượng giao kế hoạch SXKD hàng tháng chưa sát thực tế, các loại vật tư ngoài mức phát sinh nhiều, vật tư phụ tùng sửa chữa thường xuyên cho các phân xưởng chưa sát, nhiều vật tư phụ tùng giao kế hoạch mà phân xưởng không sử dụng đến hoặc có những vật tư, phụ tùng đơn vị sử dụng nhiều thì lại không được xây dựng trong kế hoạch, trong 04 tháng cuối năm Giám đốc Công ty phải ra nhiều chỉ thị, thông báo chấn chỉnh công tác quản trị chi phí, đặc biệt chi phí vật tư và công tác phối hợp rà soát, cân đối nhu cầu vật tư cấp cho các Phân xưởng sản xuất.

3.8. Tám là: Công tác Bảo vệ, Pháp chế, PCCC, QS, An ninh trật tự khai trường:

Công ty đã duy trì triển khai đúng đủ các nhiệm vụ theo phương án bảo vệ năm 2025. Bảo vệ an toàn các mục tiêu kinh tế trọng điểm, tài nguyên, tài sản và ranh giới mỏ, đồng thời làm tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng và các đơn vị trong Công ty về công tác tự quản, tuần tra, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm. Triển khai đúng đủ các Chỉ lệnh của cấp trên về công tác quân sự quốc phòng địa phương. Luôn bám sát các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định hướng dẫn của TKV triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định đồng thời rà soát lại các văn bản đã ban hành để sửa đổi, bổ sung ban hành lại cho phù hợp thực tế sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của Công ty mang lại hiệu quả.

3.9. Chín là: Công tác thi đua, tuyên truyền, đời sống, xã hội:

Nghị quyết đề ra:

Lấy sức khoẻ của người lao động làm trọng, phải tận tình, chu đáo trong quá trình phục vụ: từ bữa ăn định lượng, tắm giặt, đi lại đến vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh cho người lao động; Tổ chức cho CBCNV tiêu biểu, xuất sắc đi thăm quan, du lịch trong và ngoài nước. Duy trì và thúc đẩy tốt phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, làm động lực thúc đẩy sản xuất. Phối hợp chặt chẽ với nhân dân và chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động cộng đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hoà. Giải pháp này cơ bản Công ty đã thực hiện tốt và được đánh giá, ghi nhận của các cơ quan ban ngành, cơ quan quản lý cấp trên cùng với tinh thần phấn khởi chung của CB CNV trong một năm sản xuất thắng lợi.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (đồng)	Năm 2024 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.145.469.176.094	1.186.219.315.309
1.1	Tài sản ngắn hạn	392.996.031.806	489.723.930.483
1.2	Tài sản dài hạn	752.473.144.288	696.495.384.826
	Trong đó: TSCĐ HH	537.239.955.576	481.643.136.402
2	Doanh thu thuần	2.652.989.555.936	2.612.354.731.157
3	Lợi nhuận trước thuế	40.367.005.832	70.713.518.496
4	Lợi nhuận sau thuế	31.912.405.659	53.326.744.689

Trong năm 2025, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất với tổng mức đầu tư là: 153.582 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là : 156.876 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 32.996 triệu đồng.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 22.291 triệu đồng. (Trong đó tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật là 22.291 triệu đồng).

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2025 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 4,94 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025 (đồng)	Năm 2024(đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	1	2	(3=1/2*100)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	612.369.720.020	707.938.736.653	86,50
1	Vay và nợ ngắn hạn	251.447.146.733	269.773.549.049	93,21
2	Phải trả người bán	178.311.419.460	175.072.068.330	101,85
B	Nợ dài hạn	216.175.585.799	139.942.369.351	154,47
1	Vay và nợ dài hạn	201.104.139.730	132.565.755.610	151,70
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	828.545.305.819	847.881.106.004	97,72

Tổng các khoản nợ phải trả năm 2025 là 828,5 tỷ đồng, giảm so với năm 2024 là 19,3 tỷ đồng, tương ứng giảm 2,28%. Công ty không phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu.

Nợ phải trả ngắn hạn năm 2025 là 612,4 tỷ đồng, giảm so với năm 2024 là 95,6 tỷ đồng, tương ứng giảm 13,5%. Trong đó, vay và nợ ngắn hạn năm 2025 là 251,4 tỷ đồng, giảm 18,3 tỷ đồng, tương ứng giảm 6,79% so với năm 2024. Phải trả người bán năm 2025 là 178,3 tỷ đồng, tăng 3,24 tỷ đồng, tương ứng tăng 1,85% so với năm 2024.

Nợ phải trả dài hạn năm 2025 là 216,2 tỷ đồng, tăng 76,23 tỷ đồng, tương ứng tăng 54,47% so với năm 2024. Trong đó, vay và nợ dài hạn năm 2025 là 201,1 tỷ đồng, tăng 68,54 tỷ đồng, tương ứng tăng 51,70% so với năm 2024.

Trong năm 2025, Công ty đã chủ động cân đối nguồn vốn, giảm các khoản vay ngắn hạn đồng thời tăng vay dài hạn nhằm cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng ổn định hơn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty vẫn đảm bảo duy trì ổn định dòng tiền để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán các khoản phải trả người bán, trả nợ vay ngân hàng và chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025 Công ty đã sửa đổi chức năng nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng trong Công ty, cụ thể: (i) Phê duyệt lại chức năng nhiệm vụ Phòng KCS điều chỉnh công tác nghiệm thu sản phẩm trong hầm lò; (ii) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng thuộc Công ty phù hợp với mô hình mẫu để tăng hiệu quả làm việc, đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của Tập đoàn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị - Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có (Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Trong năm 2025, Công ty cổ phần than Mông Dương-Vinacomin thực trồng cây xanh với tổng diện tích 2,8ha. Trong đó: Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường trên diện tích 0,3ha, trồng cây phủ xanh khu vực xung quanh Mặt bằng +10 Đông Bắc Mông Dương và khu Cánh Đông là 2,5ha.

- Công tác chống bụi, vệ sinh môi trường giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp như: Phun sương cao áp tại khu vực Kho than trung tâm, tưới nước dập bụi trên đường vận chuyển và xúc dọn vệ sinh mặt bằng và đường nội bộ định kỳ vào thứ 7 hằng tuần. Kết quả quan trắc năm 2025 cho thấy hàm lượng bụi nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí.

- Các chất thải được Công ty thu gom phân loại nhập kho rồi chuyển giao cho các đơn vị chức năng vận chuyển xử lý theo quy định, cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải thông thường: Phát sinh từ các văn phòng, nhà ăn, lá cây quét dọn từ các khuôn viên hằng ngày được thu gom về các xe gom rác chuyển dùng sau đó thuê Công ty cổ phần Môi trường Tuần Đạt thực hiện thu gom vận chuyển đi xử lý theo Quy định. Khối lượng thu gom vận chuyển trong năm 2025 là 1.900m³ quy đổi tương đương 798tấn.

+ Đối với chất thải nguy hại Công ty thu gom nhập kho chất thải nguy hại xong thuê Công ty TNMTV Môi trường - TKV. Khối lượng chất thải nguy hại thu gom xử lý trong năm 2025 là 69.011,2kg.

+ Đối với chất thải công nghiệp thông thường Công ty tổ chức thu gom nhập kho thu hồi sau đó thuê Công ty TNMTV Môi trường – TKV và Công ty cổ phần cơ khí Hòn Gai - Vinacomin thu gom vận chuyển xử lý và tái chế theo quy định. Lượng chất thải thực hiện thu gom vận chuyển xử lý trong năm 2024 là 326.217 kg.

- Công tác thu gom xử lý nước thải mỏ được thực hiện nghiêm túc, lượng nước thải phát sinh trong quá trình khai thác được xử lý trong năm 2025/ kế hoạch là 9.229.390m³/9.700.000m³. Chi phí xử lý nước thải là 37.166/42.394 Tr. đồng.

- Nước thải sinh hoạt: toàn bộ được thu gom về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200 m³/ngày để xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Khối lượng nước thải xử lý tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt 200m³/ngày năm 2025 là 26.977m³. Chi phí xử lý nước thải là 1.035 Tr. đồng.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen thưởng các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm Công ty còn trích từ chi phí sản xuất hỗ trợ cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát. Ngoài ra trong năm Công ty còn tổ chức 02 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, để kịp thời phát hiện các trường hợp có bệnh hoặc sức khỏe yếu để đưa đi điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở của Tập đoàn và Nhà nước. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2025, HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các quy chế đã ban hành và xây dựng một số quy chế mới để trình HĐQT xem xét phê duyệt và ban hành áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và của TKV. Năm 2025, Giám đốc điều hành Công ty đã trình HĐQT phê duyệt các Quy chế nhằm tăng cường quản lý Công ty; Trong SXKD của Công ty; Đảng ủy, Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCNV và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Công tác An toàn: Với mục tiêu “An toàn là số một”, năm 2025 vừa qua, Công ty tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho các đối tượng theo đúng kế hoạch đề ra. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, tăng cường kiểm tra công tác an toàn lao động (định kỳ, đột xuất). Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức tự chủ an toàn cho người lao động, và duy trì việc theo dõi thực hiện công tác an toàn qua hệ thống Camera giám sát. Là năm Công ty không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng.

- Công tác An ninh trật tự: Tiếp tục được duy trì ổn định, thực hiện quyết liệt, ngăn chặn việc xâm nhập khai trường, kiểm soát người và thiết bị hoạt động tại khai trường và ra vào khai trường... Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Công tác thi đua-khen thưởng: Ngay từ đầu năm, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng trong toàn Công ty với mục tiêu An toàn - Đoàn kết- Đổi mới - Phát triển.

- Công tác phối hợp với các đoàn thể, quần chúng trong Công ty và cơ quan chính quyền địa phương: Cùng với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho CBCNV về nhiệm vụ SXKD và những giải pháp của Công ty; thực hiện tốt công tác phối hợp đẩy mạnh và phát động các phong trào thi đua LĐSX; công tác đảm bảo AT-VSLĐ; bảo vệ môi trường... tạo sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao. Đối với chính quyền địa phương tăng cường hợp tác, phối hợp đảm bảo sự

phát triển hài hòa trên địa bàn. Phối hợp tuần tra, kiểm soát chung giữa Công ty - UBND - Công an phường tại các khu vực ranh giới mở quản lý.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2025, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2025, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2025; Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm đầy đủ cho các thiết bị, lợi nhuận vẫn còn do đó Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả. Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ quy định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký với các đối tác kinh doanh trong năm 2025 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tập đoàn trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Công ty áp dụng thang bảng lương và chế độ đối với người lao động theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và của Công ty. Công ty đã ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch được giao và điều kiện thực tế của Công ty trong năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đề ra một số giải pháp chỉ đạo chủ yếu như sau:

3.1. Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần do Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan.

3.2. Tổ chức thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

3.3. Chỉ đạo thực hiện đúng kế hoạch, hàng quý tổ chức đánh giá kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch trên toàn bộ các khâu sản xuất đặc biệt là khâu tiêu thụ sản phẩm, thuê ngoài, quản lý vật tư, quản trị chi phí. Triển khai các giải pháp cụ thể để bảo đảm hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác quản trị chi phí bằng việc rà soát lại định mức kinh tế kỹ thuật, tạo động lực thúc đẩy tăng hiệu quả lao động của người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn, rà soát, xem xét các danh mục, dự án đầu tư để có kế hoạch đầu tư hiệu quả. Quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đạt hiệu quả.

3.4. Tăng cường giám sát hoạt động của Giám đốc, Phó Giám đốc... trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2026, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ...theo Chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT đã ban hành.

3.5. Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý theo đúng quy định của pháp luật, hoàn thiện các cơ chế quản lý, phân cấp phân quyền cụ thể để bảo đảm vai trò quản trị của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Giám đốc được thuận lợi nhất, tạo cơ sở động lực phát huy tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân;

3.6. Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều hành, Ban Kiểm soát trong công tác quản trị và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình kinh doanh vì mục tiêu phát triển Công ty, chăm lo tốt đời sống cho người lao động xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

3.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a. *Thay đổi thành viên HĐQT:* Trong năm 2025 có 01 sự thay đổi các thành viên HĐQT

b. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch	Không ĐH	Bổ nhiệm 01/7/2023
2	Hoàng Trọng Hiệp	Thành viên	Điều hành	Miễn nhiệm từ 28/10/2025
3	Lương Thanh Chung	Thành viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 28/10/2025
4	Ngô Xuân Thủy	Thành viên	Điều hành	Bổ nhiệm từ 01/07/2023
5	Vadym D'omin	Thành viên	Không ĐH	Bổ nhiệm từ 01/07/2023
6	Phạm Văn Tác	Thành viên độc lập	Không ĐH	Bổ nhiệm từ 21/10/2023

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị, 04 thành viên Hội đồng quản trị; Có 03 (ba) thành viên không điều hành và 02 (hai) thành viên điều hành.

c) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:* Công ty không thành lập tiểu ban. Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

d) *Hoạt động của Hội đồng Quản trị:*

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

e) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Trong năm 2025, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra. Thành viên độc lập HĐQT Phạm Văn Tác giúp HĐQT trong lĩnh vực thẩm định hồ sơ và thực hiện chức năng của thành viên độc lập HĐQT.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2025 các thành viên HĐQT tự trau dồi các kiến thức về quản trị Công ty và tham gia các hội thảo của UBCK NN và Sở giao dịch chứng khoán Hà nội tổ chức.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát : Trong năm 2025, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi. Danh sách Ban kiểm soát năm 202, bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban			Bổ nhiệm 01/7/2024
2	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên			Bổ nhiệm 01/7/2024
3	Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên			Bổ nhiệm 01/7/2024

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2025 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư XDCCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty.

- Năm 2025 Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về sự vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành. Có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của các thành viên Ban kiểm soát còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các phòng chức năng quản lý của Công ty và của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

Mức thù lao, phụ cấp, tiền lương, của HĐQT, Ban Kiểm soát, Người quản lý Công ty năm 2025 như sau:

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương		Thù lao, Phụ cấp		Ghi chú
			Người	Số tiền (Tr.đ)	Người	Số tiền (Tr.đ)	
1	Hội đồng quản trị	05			05	506,4	
2	Ban Kiểm soát	03			03	168,0	
3	Thư ký Công ty	01			01	50,4	
4	Người quản lý	06	06	3.002,4			
	Tổng cộng			3.002,4		724,8	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Phụ lục số 2 kèm theo

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2025 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 180326/BCTC.KT3 ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC .

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Mông Dương

- Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: mongduongcoal.vn

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Ban Giám đốc (e-copy);
- Lưu: VT, HĐQT (3)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Lương Thanh Chung

Phụ lục số 01**TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Bao gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 1143/BC-TMD, ngày 07/4/2026)

1. Lý lịch của Giám đốc điều hành Lương Thanh Chung

Họ và tên: LƯƠNG THANH CHUNG

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 0338078013334, cấp ngày 06/04/2021

Ngày tháng năm sinh: 08 tháng 01 năm 1978

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 7 - Khu 5 A - Phường Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
Tháng 10/2000 -:- 02/2001	Công nhân khai thác công trường khai thác 1 - Mỏ than Khe Chàm
Tháng 02/2001 -:- 11/2006	Nhân viên phòng Kỹ thuật khai thác - Mỏ than Khe Chàm
Tháng 11/2006 -:- 12/2008	Phó phòng Kỹ thuật khai thác - Công ty Than Khe Chàm- TKV
Tháng 12/2008 -:- 01/2009	Phó quản đốc công trường khai thác 1 - Công ty Than Khe Chàm- TKV
Tháng 01/2009 -:- 3/2009	Quản đốc công trường khai thác 1- Công ty Than Khe Chàm- TKV
Tháng 3/2009 -:- 3/2010	Trưởng phòng Thông gió mỏ - Công ty Than Khe Chàm- TKV
Tháng 3/2010 -:- 6/2016	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ công ty; Trưởng phòng kỹ thuật khai thác - Công ty Than Khe Chàm- TKV
Tháng 6/2016-:- 7/2016	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy công ty; Quản đốc công trường khai thác 6 - Công ty Than Khe Chàm- TKV
Tháng 7/2016-:- 08/9/2025	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy công ty; Phó Giám đốc Kỹ thuật, đầu tư - Công ty Công ty Than Khe Chàm- TKV
Từ ngày 09/9/2025 ÷ 28/10/2025	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin
Từ ngày 28/10/2025- nay	Bí thư Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí Thư Đảng ủy.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
 + Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
 Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): 353 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2. Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hữu Hùng

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG
 Giới tính: nam nữ
 Số CMND: 022073001689, Cấp ngày 28/06/2021
 Ngày tháng năm sinh: 17/4/1973
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Trung, Quảng ninh
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp
 Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đang, chính quyền, đoàn thể)
Từ tháng 10/1994 ÷ 7/1998	Công nhân sửa chữa cơ điện Công ty Địa Chất mỏ.
Từ tháng 8/1998 ÷ 6/2000	Kỹ thuật viên cơ điện Công ty Than Dương Huy
Từ tháng 7/2000 ÷ 3/2003	Kỹ thuật viên Cơ điện XN Than Tân Lập Công ty Than Hòn Gai
Từ tháng 4/2003 ÷ 5/2003	Công nhân sửa chữa cơ điện Công trường KT5 Công ty Than Mông Dương
Từ tháng 6/2003 ÷ 6/2004	Đội phó Đội Cơ giới hầm lò Công ty Than Mông Dương
Từ tháng 7/2004 ÷ 5/2008	Phó Quản Đốc cơ điện công trường Cơ Giới hầm lò Công ty Than Mông Dương
Từ tháng 6/2008 ÷ 11/2008	Quyền Phó phòng Cơ điện Vận tải - Công ty CP Than Mông Dương
Từ tháng 12/2008 ÷ 9/2012	Phó phòng Cơ Điện Vận Tải Công ty CP Than Mông Dương
Từ tháng 10/2012 ÷ 7/2017	Trưởng Phòng Cơ Điện Vận Tải Công ty CP Than Mông Dương
Từ tháng 8/2017 ÷ 5/2018	Ủy viên BCH Công đoàn, Trưởng Phòng Cơ Điện Vận Tải Công ty CP Than Mông Dương

Từ tháng 6/2018 ÷ 02/2020	Ủy viên BCH Công đoàn, Phó Giám Đốc Công ty CP Than Mông Dương
Từ tháng 3/2020 ÷ đến nay	Ủy viên BCH Đảng bộ, Ủy viên BCH Công đoàn, Phó Giám Đốc Công ty CP Than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng ủy;

Số cổ phần đang nắm giữ: 1.772 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1.772 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3) Lý lịch của Phó Giám đốc Trần Mạnh Hà

Họ và tên: TRẦN MẠNH HÀ

Giới tính: nam nữ

Số CMND: 010079006411 ngày cấp 13/8/2021 - Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1979

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
10/9/2001÷15/1/2002	Nhân viên Phòng KTCN-MT, Mỏ Than Mông Dương
16/1/2002÷31/7/2002	Công nhân Công trường Khai thác 4, Công ty Than Mông Dương
1/8/2002÷9/10/2006	Nhân viên Phòng CNKT-MT, Công ty Than Mông Dương
10/10/2006÷25/2/2007	Tham gia khóa học tiếng Nhật và giáo dục định hướng để đi Tu nghiệp tại Nhật Bản trong chương trình đào tạo công nghệ khai thác giữa TKV và tổ chức NEDO – Nhật Bản
26/2/2007÷14/5/2007	Nhân viên Phòng CNKT-MT, Công ty Than Mông Dương
15/5/2007÷13/6/2007	Phó phòng Trung tâm ATM & SX, Công ty than Mông Dương-TKV

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
14/6/2007÷ 17/9/2007	Phó Quản đốc kỹ thuật Công trường Khai thác 1, Công ty Than Mông Dương-TKV
18/9/2007÷7/1/2008	Phó Quản đốc kỹ thuật Công trường Khai thác 3, Công ty Than Mông Dương - TKV
8/1/2008÷14/8/2010	Phó phòng kỹ thuật hầm lò, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
15/8/2010÷23/3/2014	Phó phòng CNKT, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
24/3/2014÷ 25/5/2014	Phó phòng (Chỉ huy trưởng ca SX) TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin.
26/5/2014÷31/12/2014	Trưởng TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
01/01/2015÷11/5/2015	Bí thư Chi bộ Khối ĐH-AT, Trưởng TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
12/5/2015÷31/12/2016	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư Chi bộ Khối ĐH-AT, Trưởng TTĐHAT-SX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
01/01/2017÷10/4/2017	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Bí thư Chi bộ Khối ĐH-AT-TT, Trưởng phòng ĐHSX, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
11/4/2017÷10/8/2017	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng ĐHSX kiêm Trợ lý Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
11/8/2017÷27/5/2018	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất kiêm Trợ lý Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
28/5/2018÷08/7/2021	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
09/7/2021÷ 05/8/2021	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
06/8/2021÷ 09/5/2022	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
10/5/2022÷ 04/5/2023	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
05/5/2022 đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng ủy.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4) Lý lịch của Phó Giám đốc Lại Quang Trung

Họ và tên: LẠI QUANG TRUNG

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 022078004176; cấp ngày 25/01/2021

Ngày tháng năm sinh: 15/09/1978;

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 57, tổ 16, phố lý bôn – Thành Phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ;

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
Từ tháng 8/2000 ÷ 12/2001	Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ;
Từ tháng 01/2002 ÷ 4/2002	Công nhân Công trường Khai thác 1;
Từ tháng 5/2002 ÷ 8/2002	Nhân viên phòng Trung tâm điều hành An toàn - Sản xuất
Từ tháng 9/2002 ÷ 9/2005	Nhân viên phòng Kỹ thuật công nghệ;
Từ tháng 10/2005 ÷ 12/2007	Phó phòng Kỹ thuật công nghệ;
Từ tháng 01/2008 ÷ 8/2010	Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
Từ tháng 09/2010 ÷ 8/2014	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ;
Từ tháng 9/2014 ÷ 6/2015	Quản đốc Công trường Đào lò 1;
Từ tháng 7/2015 ÷ 9/2016	Trưởng phòng Thông gió
Từ tháng 10/2016 ÷ 06/2017	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ (KCM)
Từ tháng 7/2017 ÷ 02/2020	Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ (KCM)
Từ tháng 3/2020 ÷ 24/7/2022	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ
Từ ngày 25/7/2022 đến nay	Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty, Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UVBCH Đảng bộ Công ty

Số cổ phần đang nắm giữ: 1.109 cổ phiếu.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 1109 cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

5) Lý lịch của Phó Giám đốc Ngô Xuân Thủy

Họ và tên: NGÔ XUÂN THỦY

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 037079000782 Ngày cấp: 10/8/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 12/8/1979;

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, khu 6A, Cẩm trung, Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ;

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
Từ ngày 05/4/2002÷31/10/2002	Nhân viên phòng KTCN-MT, Công ty Than Mông Dương
Từ ngày 01/11/2002÷14/2/2003	Công nhân Công trường khai thác 1; UVBCH Chi đoàn KT1, Công ty Than Mông Dương
Từ ngày 15/2/2003÷3/2005	Nhân viên Phòng CNKT, Công ty Than Mông Dương
Từ tháng 4/2005÷14/7/2008	Nhân viên phòng Kỹ thuật hầm lò, Công ty Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 15/7/2008÷09/12/2008	Quyền Phó phòng Kỹ thuật hầm lò; Chủ tịch công đoàn khối kỹ thuật 1, Công ty Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 10/12/2008÷01/3/2009	Phó phòng Kỹ thuật hầm lò, Chủ tịch công đoàn khối kỹ thuật 1, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 02/3/2009÷31/12/2009	Phó phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 01/01/2010÷14/8/2010	Phó phòng KT HL, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 15/8/2010÷28/2/2011	Phó phòng CNKT, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 01/3/2011÷9/10/2012	Trưởng phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 10/10/2012÷28/2/2013	Trưởng phòng Thông gió - thoát nước, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 01/3/2013÷14/10/2014	Trưởng phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – TKV
Từ ngày 15/10/2014÷24/3/2015	Quản đốc Công trường Đào lò 2, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin
Từ ngày 25/3/2015÷30/6/2015	Phó Bí thư chi bộ, Quản đốc Công trường Đào lò 2, Công ty Cổ phần Than Mông Dương – Vinacomin

Từ ngày 01/7/2015÷14/12/2016	Trưởng phòng An toàn, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 15/12/2016÷10/4/2017	Trưởng phòng TC-LĐ, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 11/4/2017÷07/9/2017	Bí thư chi bộ, Trưởng phòng TC-LĐ, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 08/9/2017÷30/9/2017	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng TC-LĐ, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 01/10/2017÷12/12/2019	Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 13/12/2019÷29/3/2020	Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, Bí thư Chi bộ Khối Đảng, đoàn thể, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 30/3/2020÷02/4/2022	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Bí thư Chi bộ Khối Đảng, đoàn thể Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 03/4/2022÷01/01/2023	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Bí thư Chi bộ Khối Đảng, đoàn thể, Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 02/01/2023÷04/05/2023	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin
Từ ngày 05/05/2023 đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Mông Dương –Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UV BTV Đảng bộ Công ty; UV BTV Công đoàn.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

6. Lý lịch của Kế toán trưởng : Nguyễn Tuyết Mai.

Họ và tên: NGUYỄN TUYẾT MAI

Giới tính: Nữ Nam

Số CCCD: 022188002186 cấp ngày 22/12/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1988

Quốc tịch: Việt nam

101

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 908, đường Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp. Thạc sỹ quản lý kinh tế.

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đăng, chính quyền, đoàn thể)
Từ tháng 4/2011 -:- 3/2019	Nhân viên phòng Kế toán , Thống kê, Tài chính
Từ tháng 4/2019 ÷ 21/3/2024	Phó phòng Kế toán , Thống kê, Tài chính.
Từ ngày 22/3/2024 ÷ 3/8/2025	Phụ trách kế toán thay Kế toán trưởng, phụ trách phòng Kế toán, thống kê, tài chính.
Từ ngày 3/8/2025 ÷ nay	UV Ban chấp hành Đảng bộ Công ty ;Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: UV Ban chấp hành Đảng bộ Công ty

Số cổ phần đang nắm giữ: không có;

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không có;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Phục lục số 02

**GAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &
GAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT
ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT TRONG THỜI GIẠN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 1143 /BC-TMD, ngày 7/4/2026)

TT	Tên Người có liên quan, Hợp đồng	MST	Địa chỉ	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch chủ yếu	Giá trị thực hiện trong năm 2025 đã bao gồm VAT (đồng)
1	Tập đoàn CN Than- Khoáng sản Việt Nam (TKV)	5700100256	Số 3 Dương Đình Nghệ, Yên Hoà, Cầu giấy, Hà Nội	Cổ đông lớn (nắm giữ 65% vốn điều lệ của Công ty)	HĐ PHKD	
-	Hợp đồng số 01/TKV ngày 30/12/2024				Phí thương hiệu	8.464.000.000
1.1	Chi nhánh Tập đoàn CN Than Khoáng Sản Việt Nam-Công ty xây lắp mỏ-TKV	5700100256-067	Số 804, Khu 7B, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh	Chi nhánh của TKV	Mua bán điện. Thi công đào lò, xây lắp công trình mỏ	253.705.000.000
1.2	Chi nhánh Tập đoàn CN Than Khoáng Sản Việt Nam-Trường quản trị kinh doanh - Vinacomín	5700100256-068	Số 25 Ngõ 46, Phố An Hòa, Phường Hà Đông, TP Hà Nội		Đào tạo	926.000.000
1.3	Chi nhánh Tập Đoàn CN Than Khoáng Sản Việt Nam-Trung Tâm Cấp Cứu Mỏ-Vinacomín	5700100256-004	Km 8, Phường Hà Tu, Tỉnh Quảng Ninh		Huấn luyện thường xuyên, thường trực giải quyết sự cố, kiểm tra phòng ngừa giải quyết sự cố và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trong khai thác than năm 2025	6.181.000.000
1.4	Chi nhánh Tập đoàn CN Than Khoáng Sản Việt Nam - Bệnh Viện Than Khoáng Sản	5700100256-034	Ngõ 1 phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội		Khám sức khỏe	202.000.000
1.5	Chi nhánh Tập đoàn CN Than- Khoáng sản Việt Nam- Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả Vinacomín	5700100256-001	Tổ 93, khu 9B, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh		Mua bán than mỏ	31.722.000.000

TT	Tên Người có liên quan, Hợp đồng	MST	Địa chỉ	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch chủ yếu	Giá trị thực hiện trong năm 2025 đã bao gồm VAT (đồng)
1.6	Chi nhánh Tập đoàn CN Than- Khoáng sản Việt Nam- Công ty Tuyển than Cửa Ông TKV	5700100256-033	Tổ 48 Khu 4b2, P. Cửa Ông, QN		Mua bán than mò, mua bán điện	2.577.107.000.000
2	Công ty cổ phần Vật tư- TKV	5700100707	Tổ 1, Khu 2, P. Hạ Long, Quảng Ninh	Công ty cổ phần mà TKV nắm 65% vốn điều lệ	Mua bán nhiên liệu, vật tư, điện	22.287.000.000
3	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	5700100425	Km 4 đường Trần Phú, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	Công ty TNHH MTV mà TKV nắm 100% vốn điều lệ	Xử lý chất thải, nước thải mỏ...	38.983.000.000
4	Công ty CN Hóa chất mỏ Quảng Ninh (Thuộc MICCO)	0100101072-001	Tổ 25, khu 4, P. Cao Xanh, Quảng Ninh	Công ty TNHH MTV mà TKV nắm 100% vốn điều lệ	Cung cấp thuốc nổ	37.224.000.000
5	Cty VT hóa chất mỏ Hà Nội-CN tổng Cty CN HC mỏ-Vinacomin	0100101072-007	Lô CN 02-4 Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, Xã Phù Đổng, Hà Nội		Mua vật tư	969.000.000
6	Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực VVMI	102274810	Số 506, Đường Hà Huy Tập, Xã Phù Đổng, Thành phố Hà Nội	Công ty con, công ty liên kết, có vốn góp... của TKV	Sửa chữa, mua vật tư	14.842.000.000
7	Công ty cổ phần giám định VINACOMIN	5700100552	Số 55, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	"	Giám định than	1.247.000.000
8	Viện cơ khí năng lượng và mỏ VINACOMIN	100100632	565 Nguyễn Trãi, P. Thanh Liệt, Q. TX, HN	"	Mua bán vật tư	23.201.000.000
9	Trường Cao Đẳng Than khoáng sản Việt Nam	5701740890	8 Chu Văn An, P. Hồng Hải, TP Hạ Long, QN	"	Đào tạo	7.740.000.000
10	Trung Tâm Điều Dưỡng Ngành Than VVMI-CN Tổng C.TY Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	0100100015-025	Số 41 đường Thanh Niên, Phường Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	"	Tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị năm 2025	197.000.000

TT	Tên Người có liên quan, Hợp đồng	MST	Địa chỉ	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch chủ yếu	Giá trị thực hiện trong năm 2025 đã bao gồm VAT (đồng)
11	Trung tâm điều trị bệnh nghề và phục hồi chức năng - Vimico	5300716379	SN 029, Đường Hoàng Liên, Phường Sa Pa, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	"	Tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát và hỗ trợ điều trị năm 2025	1.334.000.000
12	Công ty Cổ phần cơ khí Mạo Khê	5700526478	Khu Quang Trung, P. Mạo Khê, TX Đông Triều, QN	"	Sửa chữa, mua vật tư	7.649.000.000
13	Công ty CP Cơ điện Uông Bí-Vinacomin	5700526340	Phường Bắc Sơn - TP Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh	Công ty con, công ty liên kết, có vốn góp... của TKV	Sửa chữa, mua vật tư	5.166.000.000
14	Công ty cổ phần cơ khí hàn gai - Vinacomin	5700889986	Số 108, đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh	"	Mua vật tư	2.499.000.000
15	Công ty cổ phần Chế tạo máy-Vinacomin	5700495999	486 đường Trần Phú, Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	"	Sửa chữa thiết bị, mua bán vật tư	100.912.000.000
16	Công ty CP Cơ khí ô tô Uông Bí	5700623552	Khu Tân Lập 2, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh	"	Trung tu thiết bị, mua bán vật tư	-1.647.000.000
17	Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô Vinacomin	5700353722	Số 370 đường Trần Quốc Tảng, Phường Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh	"	Trung tu thiết bị, mua bán vật tư	8.758.000.000
18	Công ty cổ phần địa chất mỏ -TKV	5701436805	Số 304 Trần Phú, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	"	Khoan thăm dò địa chất; Khảo sát trữ lượng.	28.001.000.000
19	Công ty cổ phần tin học, công nghệ môi trường - Vinacomin	101919181	Toà nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Định Công, TP Hà Nội	"	Tư vấn khảo sát, lập báo cáo...	1.693.000.000
20	Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	5700477326	750 Hoàng Quốc Việt, Cẩm Phả, QN	"	Vận chuyển công nhân	23.125.000.000
21	Công ty cổ phần Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ (Thuộc Viện khoa học công nghệ mỏ)	0100888822	Số 3 phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội	"	Sửa chữa, mua vật tư	7.878.000.000